

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG SUẤT LÚA GẠO TẠI TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2015-2020

Hoàng Thanh Thương, Phạm Văn Nhã
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Nghiên cứu này tiến hành đánh giá hiện trạng sản xuất lúa gạo tại tỉnh Sơn La dựa trên nguồn dẫn liệu đã được công bố và khảo sát thực địa trong giai đoạn 2015-2019, gồm diện tích gieo trồng, các giống lúa, năng suất, kế hoạch sử dụng diện tích đất... Những thuận lợi và khó khăn, cơ hội cũng như thách thức cho phát triển cây lúa giai đoạn hiện tại và thời gian tới cũng được thảo luận, làm cơ sở cho việc đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và mở rộng thị trường cho sản phẩm.

Từ khóa: Năng suất, lúa gạo, định hướng, giải pháp, Sơn La.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sơn La là tỉnh miền núi phía Tây Bắc Việt Nam, có độ cao trung bình 600 - 700 m so với mặt nước biển. Khí hậu Sơn La mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, với mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm. Diện tích tự nhiên đứng thứ 3 trong các tỉnh và thành phố trung ương của cả nước. Những yếu tố trên làm cơ sở thuận lợi cho Sơn La trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt đối với sản xuất lúa gạo.

Nhiều giống lúa ở Sơn La có lịch sử phát triển lâu đời, thích nghi được với khí hậu, tính chất đất và kỹ thuật thâm canh của cư dân địa phương, trở thành những giống lúa đặc sản và gắn với truyền thống văn hóa địa phương. Tiêu biểu như giống lúa tẻ Dao (Chiềng Khay, Quỳnh Nhai), lúa nếp Tan Hin, Tan Nhe, Tan Đò, Mường Và (Sốp Cộp), nếp Tan Ngọc Chiến (Mường La). Ngoài ra, nhiều cánh đồng đã trở thành những vựa lúa lớn của tỉnh như Mường Tấc (Phù Yên), Ngọc Chiến (Mường La).

Tuy nhiên, hiện nay kinh tế của Sơn La vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất lúa gạo chưa vươn tầm để trở thành hàng hóa có thương hiệu, đặc biệt các giống lúa đặc sản, sản xuất lúa gạo còn gặp nhiều khó khăn như chưa hình thành vùng chuyên canh, năng suất lúa và chất lượng gạo thấp, công tác quản lý giống còn nhiều bất cập, kỹ thuật thâm canh chưa áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật. Vì vậy, việc điều tra và đánh giá hiện trạng sản xuất lúa gạo tại Sơn La là rất cần thiết, nhằm đề xuất những giải pháp phù hợp, góp phần phát triển kinh tế nông hộ, ổn định xã hội và an ninh

lương thực vùng biên giới Tây Bắc của tổ quốc.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá hiện trạng sản xuất lúa gạo tại tỉnh Sơn La giai đoạn 2015 - 2019.
- Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong phát triển lúa gạo tại khu vực nghiên cứu.
- Đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và mở rộng thị trường cho sản phẩm lúa gạo Sơn La.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra, phỏng vấn

Sử dụng phương pháp phỏng vấn bán định hướng để thu thập các thông tin có liên quan đến tình hình lúa gạo tại Sơn La giai đoạn 2015 - 2019: Diện tích; sản lượng; trữ lượng; thuận lợi và khó khăn khi trồng và tiêu thụ lúa; kể tên các giống lúa có năng suất và chất lượng cao; đề xuất định hướng và giải pháp để nâng cao năng suất và chất lượng...

Đối tượng điều tra, phỏng vấn: là người dân trưởng thành thuộc các xã lựa chọn thực hiện nghiên cứu.

Phạm vi điều tra: Các hộ dân đang sinh sống và làm việc trên địa bàn các huyện trồng nhiều cây lúa có chất lượng (Mai Sơn; Mường La; Thuận Châu; Sông Mã).

Việc phỏng vấn tiến hành trao đổi trực tiếp và qua phiếu điều tra.

Thời gian điều tra: Tiến hành trong tháng 8, 9 năm 2020.

2.2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập và tổng hợp từ các nguồn đã công bố hoặc những báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh.

Xử lý nguồn dẫn liệu bằng phần mềm Microsoft Excel, so sánh số liệu qua biểu đồ và bảng.

Phân tích SWOT: tìm ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với hiện trạng sản xuất lúa gạo tại Sơn La.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

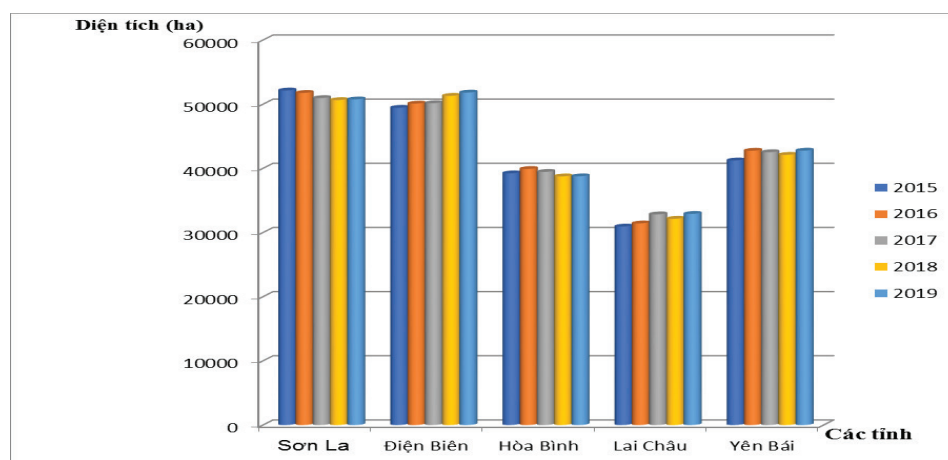
3.1. Hiện trạng sản xuất lúa gạo tại tỉnh Sơn La

3.1.1. Về diện tích gieo trồng

Là một trong những tỉnh đứng đầu cả nước về diện tích đất tự nhiên, vì vậy diện tích dành cho trồng lúa ở Sơn La là rất lớn (năm 2017 diện tích gieo trồng lúa cả năm là 50959 ha, cao nhất trong khu vực Tây Bắc (trong khi Điện Biên là 50162 ha, Hòa Bình 39456 ha, Lai Châu 32838 ha, và Yên Bái 42525 ha) (bảng 1, hình 1).

Bảng 1. Diện tích gieo trồng lúa cả năm của một số tỉnh vùng Tây Bắc [1-4,6]

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Sơn La	52136.0	51758.0	50959.0	50642.0	50750.0
2	Điện Biên	49445.1	50098.2	50162.6	51303.3	51810.7
3	Hòa Bình	39229.0	39909.0	39456.0	38753.4	38765.4
4	Lai Châu	30934.0	31419.0	32838.0	32142.0	32908.0
5	Yên Bái	41230.0	42750.0	42525.0	42110.0	42766.0



Hình 1. Diện tích gieo trồng lúa cả năm của một số tỉnh Tây Bắc

Qua bảng 1 và hình 1 cho thấy: xét riêng giai đoạn 5 năm từ 2015 – 2019, tỉnh Sơn La luôn đứng đầu trong số 5 tỉnh khu vực Tây Bắc về diện tích gieo trồng lúa cả năm. Chỉ có giai đoạn năm 2018 và 2019 thì thấp hơn 1 chút so với tỉnh Điện Biên (năm 2018 Sơn La có 50642 ha cho gieo trồng lúa, còn Điện Biên cao hơn là 51303.3 ha). Diện tích dành cho gieo trồng lúa luôn thấp nhất là tỉnh Lai Châu. Có sự khác nhau như vậy

có thể thấy do điều kiện tự nhiên và xã hội của mỗi tỉnh là khác nhau, chính sách phân bổ và đầu tư của mỗi tỉnh cũng như điều kiện phát triển của cây lúa khác nhau nên diện tích gieo trồng lúa cả năm có sự khác biệt. Tỉnh nào có điều kiện thuận lợi cho gieo trồng và phát triển cây lúa thì luôn giữ vị trí cao về diện tích đất ưu tiên phát triển ngành lúa gạo (ví dụ Sơn La, Điện Biên). Ngược lại, tỉnh nào điều kiện tự nhiên, xã hội không

thuận lợi thì ngành lúa gạo chỉ chiếm một phần nhỏ diện tích (ví dụ Lai Châu).

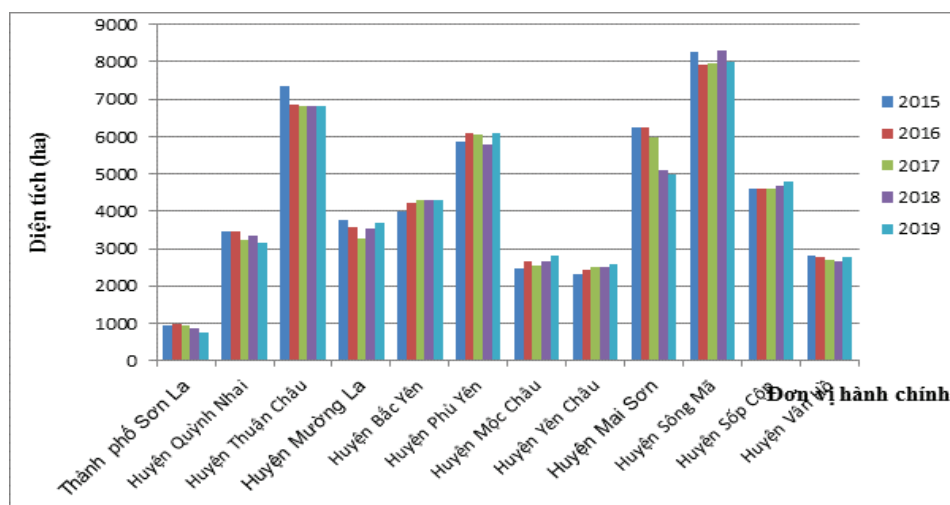
Trong khi đó, xét riêng với các đơn vị trong tỉnh về diện tích gieo trồng lúa, các huyện Sông Mã, Thuận Châu, Phù Yên và Mai Sơn đứng đầu với trên

5000 ha, các huyện còn lại, ngoại trừ thành phố Sơn La (dưới 1000 ha), có diện tích khá đồng đều, dao động khoảng trên 2000 ha. Ngoài ra, phân tích số liệu cũng cho thấy diện tích trồng lúa của các huyện và toàn tỉnh có tính ổn định cao (bảng 2, hình 2).

Bảng 2. Diện tích lúa cả năm phân theo huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh tại Sơn La giai đoạn 2015–2019 [1]

Đơn vị tính: ha

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Toàn tỉnh	52136	51758	50959	50642	50750
Theo đơn vị cấp huyện và thành phố					
Thành phố Sơn La	942	977	953	857	744
Huyện Quỳnh Nhai	3451	3461	3236	3340	3160
Huyện Thuận Châu	7357	6843	6831	6821	6827
Huyện Mường La	3767	3567	3257	3553	3681
Huyện Bắc Yên	4013	4207	4299	4296	4297
Huyện Phù Yên	5864	6108	6060	5773	6095
Huyện Mộc Châu	2487	2647	2557	2657	2808
Huyện Yên Châu	2334	2425	2497	2526	2578
Huyện Mai Sơn	6241	6242	5987	5118	4979
Huyện Sông Mã	8257	7916	7974	8285	8014
Huyện Sốp Cộp	4594	4602	4604	4665	4809
Huyện Vân Hồ	2829	2763	2704	2651	2758



Hình 2. Diện tích trồng lúa ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2015–2019

Như vậy, qua bảng 2 và hình 2 cho thấy ưu thế về diện tích trồng lúa thuộc các vùng lưu vực sông Mã (huyện Sông Mã, Sốp Cộp), cao nguyên Sơn La (huyện Thuận Châu, Mai Sơn) và lưu vực sông Đà về phía Đông Bắc (huyện Phù Yên, Bắc Yên). Đây là những vùng thuận, có địa hình tương

đối bằng phẳng, nguồn nước tưới tiêu dồi dào, điều kiện thổ nhưỡng tốt, giàu dinh dưỡng. Tuy nhiên, ở một số vùng trong tỉnh, diện tích trồng lúa đang bị thu hẹp do chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất xây dựng hoặc mục đích khác, do hiệu quả trồng lúa chưa cao so với các cây trồng khác.

Đứng trước khó khăn này, cần phải tiến hành định hướng và quy hoạch thành các vùng chuyên canh, phát huy thế mạnh cho từng vùng.

3.1.2. Về các giống lúa

Sơn La là tỉnh có diện tích tự nhiên khá rộng (khoảng 1,42 triệu ha), điều kiện về địa hình và thổ nhưỡng phức tạp, khí hậu không đồng nhất vì vậy đã hình thành các tiểu vùng khí hậu khác nhau. Những đặc điểm trên cùng với lịch sử phát triển, văn hóa nông nghiệp và tri thức bản địa đã thuần hóa và hình thành các giống lúa khác nhau, phù hợp với mỗi địa phương.

Hiện nay, nhiều giống lúa đang được gieo trồng trong tỉnh, như giống N86, N87, N97, BC15, HIT, DDT52, Tám thơm (huyện Sông Mã, Sốp Cộp), BC15, Sán Ưu, Nhị Ưu, R64, LT2 (Phù Yên), BC15, LY2099 (Bắc Yên), N86, N87, N98, PC15, Ha Na, Bắc Hải, ADI (Thuận Châu), Tan Đỏ, Tan Nhe, Tan Lo, Tan Pụa, Tan Lanh, Tan Hin (Sốp Cộp).

Bên cạnh các giống lúa lai đại trà với năng suất cao được gieo trồng với diện tích lớn (như các giống BC15, N86, N87, N98...), thì nhiều giống bản địa cũng được các địa phương chú ý và phát triển, chủ yếu là các giống lúa nếp nương. Một số giống địa phương ít nhiều có thương hiệu, đang được phục tráng và quy hoạch như

Mường Và, Tan Đỏ, Tan Nhe, Tan Lanh, Tan Hin, Ha Na, Bắc Hải. Đây là một trong những hướng góp phần phát triển và bảo tồn các giống lúa bản địa cần được triển khai với quy mô lớn hơn.

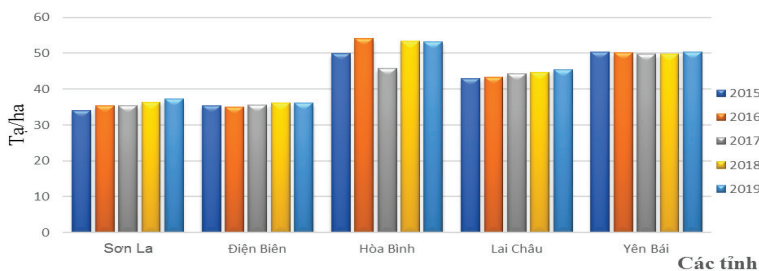
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn luôn chú trọng trong công tác hướng dẫn cơ cấu giống cho từng thời vụ, ưu tiên các giống ngắn ngày cho năng suất, chất lượng cao, chống chịu được với các điều kiện thời tiết bất thuận như hạn, rét cũng như sâu bệnh hại chính như: giống Đông A1, ADI 28, ADI 168, Lúa thơm LT2, BC15, TBR-1, TBR-225, giống lúa thuần LH12, giống lúa thuần Bắc thơm 9, N87, N97, IR352, IR64, Q5, KD18, CN2, X26, PC6, ĐB5, ĐB6,..., các giống đặc sản của địa phương như nếp Tan Nhe, Tan Lanh, Tè Dao. Tỷ lệ sử dụng giống xác nhận ước đạt 75% trong đương với diện tích 23.295 ha chủ yếu trên lúa ruộng, còn trên lúa nương chủ yếu người dân sử dụng giống địa phương để gieo trồng. [7]

3.1.3. Về năng suất và chất lượng lúa gạo

Mặc dù diện tích gieo trồng lúa cả năm luôn xếp hạng nhất – nhì so với các tỉnh trong khu vực Tây Bắc, nhưng năng suất lúa của tỉnh Sơn La chỉ được xếp vào loại trung bình thấp (bảng 3 và hình 3). Trong khi đó tỉnh Hòa Bình và Lai Châu mặc dù diện tích gieo trồng lúa cả năm không lớn nhưng lại có năng suất lúa cao hơn (bảng 3 và hình 3).

Bảng 3. Năng suất lúa của các tỉnh Tây Bắc giai đoạn 2015-2019 [1-4], [6]

TT	Các tỉnh	Năng suất lúa cả năm (tạ/ha)				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Sơn La	34.02	35.33	35.32	36.40	37.26
2	Điện Biên	35.36	35.02	35.51	36.13	36.10
3	Hòa Bình	49.90	54.09	45.77	53.47	53.24
4	Lai Châu	42.94	43.42	44.39	44.73	45.52
5	Yên Bái	50.39	50.12	49.75	49.87	50.40



Hình 3. Năng suất lúa cả năm một số tỉnh Tây Bắc giai đoạn 2015-2019

Một số nguyên nhân khiến năng suất lúa của Sơn La chưa cao có thể được kể tới như: sản xuất nông nghiệp luôn phải đối mặt với những biến đổi bất thường của thiên tai, khí hậu với tần suất và cường độ ngày càng tăng các hiện tượng cực đoan như: sạt lở, lũ lụt, mưa rét, hạn hán, sương muối, nhiều khu vực đang bị xói mòn nghiêm trọng, diện tích đất có thể canh tác nông nghiệp tương đối ít và manh mún, chủ yếu canh tác trên đất dốc, phương pháp canh tác lạc hậu, thiếu bền vững nên hiệu suất không cao, nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương chưa kết nối được với thị trường và chưa gây dựng được thương hiệu.

Hơn nữa, đầu tư cho nông nghiệp nông thôn mới chỉ dừng ở chủ trương là chính chứ chưa hiện thực hóa bằng các mô hình và hoạt động cụ thể tại địa phương. Mặt khác, doanh nghiệp cũng chưa mặn

mà lắm với nông nghiệp do phải đối mặt với nhiều khó khăn, trở ngại liên quan đến cơ chế chính sách nông nghiệp, nông thôn như vấn đề đất đai, tiếp cận vốn... Ngoài ra, quy mô sản xuất của các doanh nghiệp nông nghiệp trong vùng còn ở mức nhỏ bé, rất khó trong việc mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh và thị trường; chất lượng sản phẩm nông sản còn thấp so với tiêu chuẩn xuất khẩu, khối lượng sản phẩm sản xuất ra chưa nhiều, thậm chí manh mún; trình độ khoa học công nghệ lạc hậu, tay nghề công nhân thấp nên khả năng cạnh tranh yếu.

So sánh giữa các đơn vị trong tỉnh cho thấy, thành phố Sơn La, huyện Phù Yên, Mộc Châu, Yên Châu, Vân Hồ và Mường La có năng suất cao nhất, đạt trên 40 tạ/ha, các huyện còn lại năng suất thấp hơn, trong đó huyện Bắc Yên và Mai Sơn đạt dưới 30 tạ/ha (bảng 4).

Bảng 4. Năng suất lúa cả năm phân theo huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh tại Sơn La giai đoạn 2015–2019 [1]

Đơn vị tính: tạ/ha

Năm	2015	2016	2017	2017	2019
Toàn tỉnh	34,02	35,33	3532	36,40	37,26
Theo đơn vị cấp huyện và thành phố					
Thành phố Sơn La	48.35	53,09	49,53	50,34	52.11
Huyện Quỳnh Nhai	30.66	34,05	36,88	37,10	38.97
Huyện Thuận Châu	28.93	31,11	31,45	31,85	31.57
Huyện Mường La	35.74	37,93	39,11	40,20	41.75
Huyện Bắc Yên	27.19	27,61	27,99	29,64	29.92
Huyện Phù Yên	46.17	46,04	42,56	45,49	46.62
Huyện Mộc Châu	45.60	44,08	45,95	44,73	46.30
Huyện Yên Châu	46.07	47,34	46,56	44,17	46.90
Huyện Mai Sơn	23.38	24,13	25,15	27,85	31.85
Huyện Sông Mã	32.06	33,35	33,96	34,78	32.23
Huyện Sốp Cộp	30.53	31,00	30,83	30,41	33.13
Huyện Vân Hồ	43.55	45,04	42,83	42,33	43.43

Nhiều giống lúa ở Sơn La có chất lượng thơm ngon, một số đã trở thành thương hiệu, đã gắn liền với văn hóa và con người nơi đây. Mường Tấc là một trong bốn cánh đồng nổi tiếng ở vùng Tây Bắc (Nhật Thanh, Nhì Lò, Tam Tha, Tứ Tấc), với diện tích khoảng 1.600 ha, trải rộng trên các xã Huy Thượng, Huy Tân, Quang Huy, Huy Bắc của huyện Phù Yên.

Ngoài ra, phải kể đến vùng có chất lượng gạo thơm ngon khác như Ngọc Chiến (Mường La), Mường Và (Sốp Cộp).....

3.1.4. Kế hoạch sử dụng đất phát triển cây lúa

Kế hoạch triển khai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030: tiếp tục duy trì diện tích trồng

lúa trên địa bàn tỉnh, chuyển đổi những diện tích không có nước cấy, kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác để đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 5. Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2020 các huyện, thành phố [13]

Đơn vị	Lúa chiêm xuân			Lúa mùa			Lúa nương		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Thành phố Sơn La	330	55.0	1,815	408	48.0	1,958			
Quỳnh nhai	780	54.0	4,212	1,390	49.0	6,811	900	14.0	1,260
Thuận Châu	1,900	60.0	11,400	1,950	41.0	7,995	2,700	12.0	3,240
Mường La	930	50.0	4.650	1,930	49.2	9,486	800	15.0	1,200
Bắc Yên	500	53.5	2,675	2,028	43.1	8,741	1,760	10.0	1,760
Phù Yên	2,145	66.0	14,157	2,400	57.0	13,680	1,500	11.0	1,650
Mộc Châu	530	65.1	3,450	1,573	50.0	7,865	500	16.5	825
Yên Châu	805	61.0	4,911	1,112	54.0	6,005	500	21.5	1,075
Mai Sơn	1,140	65.0	7,410	1,630	37.0	6,031	1,600	10.0	1,600
Sông Mã	1,770	60.0	10,620	2,190	48.5	10,622	4,000	15.0	6,000
Sốp Cộp	858	57.4	4,925	1,362	50.0	6,810	2,590	14.0	3,626
Vân Hồ	702	61.0	4,281	1,427	49.5	7,064	500	19.5	975
Toàn tỉnh	12,390	60.1	74,506	19,400	48.0	93,067	17,350	13.4	23,211

Qua bảng 5 cho thấy, kế hoạch sản xuất nông nghiệp 2020 theo các huyện- thành phố về cơ bản đều dựa trên điều kiện của từng khu vực phù hợp với thực tiễn của địa phương. Dựa trên thực trạng phát triển của năm trước kết hợp với kế hoạch chung của toàn tỉnh trong năm tới mà các huyện đã có những tiếp thu cũng như điều chỉnh phù hợp. Ví dụ:

Huyện Sông Mã, thực trạng phát triển các ngành kinh tế khu vực nông nghiệp năm 2019: Diện tích lúa chiêm xuân 1.769 ha, đạt 100,8% kế hoạch, tăng 1,1% so với cùng kì năm trước; diện tích lúa mùa 2.183 ha đạt 100,6% kế hoạch, tăng 0,7 % so với cùng kì năm trước. Diện tích lúa nương 4.300 ha, đạt 100% kế hoạch, giảm 3,7% so với cùng kì năm trước. Đối với những diện tích không có khả năng khắc phục được, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền hướng dẫn, đôn đốc nhân dân chuyển đổi sang trồng một số cây rau màu ngắn ngày. [12]

Kế hoạch chiến lược chung cho toàn tỉnh bao gồm một số nội dung:

Tăng cường thâm canh, tăng vụ, ứng dụng các giống mới và các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. [7]

Tăng cường công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh, mở rộng các mô hình canh tác lúa bền vững như SRI, IPM với diện tích quy mô lớn hơn để các hộ tham gia. [7]

Tăng cường công tác tuyên truyền cho bà con cải thiện các biện pháp canh tác truyền thống như cấy mạ già, cấy dầy, cấy nhiều đánh, cấy không hàng lối, gieo sạ sang phương pháp cấy thưa, cấy mạ non, cấy ít đánh (từ 01 - 02 đánh), cấy thẳng hàng để giảm chi phí giống.

Khuyến khích bà con tăng cường sử dụng phân hữu cơ thay bằng phân vô cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng để giảm thiểu tác hại tới môi trường.

3.2. Phân tích SWOT về sản xuất lúa gạo tại Sơn La

Điểm mạnh	Điểm yếu
<p>Diện tích tự nhiên của Sơn La lớn 1.412.350 ha, tỉnh có nhiều giống lúa địa phương có giá trị cả về mặt dinh dưỡng cũng như kinh tế, tinh thần, với những đặc điểm rất quý như: dẻo, thơm, chất lượng cao, tương đối đa dạng và đặc biệt có khả năng chịu hạn và chịu lạnh tốt. Trong đó, các giống như Mông, Tan nhe, Tan hin, Tan lo, Tan Lanh, Nếp tan Mường Chanh, Nếp đuôi trâu, Nếp cẩm,... là những giống được coi là đặc sản của Tây Bắc.</p> <p>Khí hậu Sơn La chia làm hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình năm là 21,40C (trung bình tháng cao nhất 270C, tháng thấp nhất 160C). Lượng mưa trung bình hàng năm 1.200 – 1.600 mm, độ ẩm không khí bình quân là 81%. Diện tích tự nhiên đứng thứ 3 trong các tỉnh và thành phố trung ương của cả nước. Những yếu tố trên làm cơ sở thuận lợi cho Sơn La trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt đối với sản xuất lúa gạo.</p>	<p>Sản xuất lúa gạo chưa hình thành được vùng chuyên canh, năng suất lúa và chất lượng gạo thấp, công tác quản lý giống còn nhiều bất cập, kỹ thuật thâm canh chưa áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật.</p> <p>Tình trạng lạm dụng thuốc trừ sâu, trừ cỏ trên nương rẫy đang có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và là tác nhân chính làm suy giảm chất lượng và năng suất lúa gạo → không đủ các điều kiện để cấp các chứng chỉ chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt.</p> <p>Trình độ năng lực của người dân còn hạn chế, phần lớn các hộ nông dân ít được đào tạo kỹ thuật một cách bài bản mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm.</p> <p>Chưa có tổ chức đầu mối và nhà đầu tư đủ mạnh để thu mua, bảo quản, bao tiêu sản phẩm, chưa hòa nhập được với thị trường bên ngoài.</p>
Cơ hội	Thách thức
<p>Sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nói riêng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành; Sở Nông nghiệp và PTNT luôn sát sao hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình tổ chức sản xuất theo khung lịch thời vụ và cơ cấu giống phù hợp.</p> <p>Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật thì cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng ngày càng hoàn thiện hơn tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất lúa.</p> <p>Các địa phương luôn chủ động sớm xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất theo từng vụ, từng năm phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo về thời vụ, cơ cấu giống gieo trồng.</p> <p>Xu thế sử dụng sản phẩm nông nghiệp an toàn chất lượng đang phát triển mạnh, tỉnh có nhiều thuận lợi để đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>Đã có sản phẩm của HTX Nông Nghiệp Nam Phương huyện Sốp Cộp đạt xếp hạng 3 sao sản phẩm OCOP tỉnh Sơn La năm 2019.</p>	<p>Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải tuân theo các quy luật sinh học của cây trồng vật nuôi nên phải có thời gian mới đem lại kết quả.</p> <p>Sản xuất nông nghiệp luôn phải đối mặt với những biến đổi bất thường của thiên tai, khí hậu với tần suất và cường độ ngày càng tăng các hiện tượng cực đoan như: sạt lở, lũ lụt, mưa rét, hạn hán, sương muối, nhiều khu vực đang bị xói mòn nghiêm trọng, diện tích đất có thể canh tác nông nghiệp tương đối ít và manh mún, chủ yếu canh tác trên đất dốc, phương pháp canh tác lạc hậu, thiếu bền vững nên hiệu suất không cao.</p> <p>Xen canh giữa vụ xuân và vụ mùa ngắn nên các hộ nông dân vẫn còn tình trạng đốt rơm rạ, hậu quả làm cho đất bị chai cứng, một số vi sinh vật có lợi trong đất bị tiêu diệt.</p> <p>Hiện nay số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tăng, xong mới tập trung chủ yếu ở các vùng có điều kiện phát triển, địa bàn vùng cao khó khăn biên giới chưa nhiều.</p> <p>Quy mô sản xuất còn nhỏ → Áp dụng tiến bộ KHKT hạn chế, không hình thành được các vùng chuyên canh lớn.</p> <p>Các giống lúa đặc sản năng suất thường thấp → sản lượng không nhiều → khách đặt hàng không đủ đáp ứng đối với các đơn hàng có quy mô lớn.</p>

3.3. Một số định hướng và giải pháp góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và mở rộng thị trường cho sản phẩm lúa gạo tỉnh Sơn La

Dựa trên những thành tựu đã đạt được, nhằm tiếp tục kích cầu cho sự phát triển của ngành trồng lúa gạo, một số định hướng và giải pháp được đề xuất:

Giải pháp về cơ cấu giống:

Tập trung nghiên cứu chọn tạo và ứng dụng các giống lúa cho năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất. Ưu tiên các giống lúa thuần chất lượng có thời gian sinh trưởng ngắn hoặc những giống địa phương có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu của địa phương.

Giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật:

Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật như cấy theo phương pháp SRI, hiệu ứng hàng biên, cấy lúa thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu CRS để nâng cao năng suất, sản lượng.

Tuyên truyền, vận động người dân thay đổi tư duy sản xuất, thay đổi các phương thức sản xuất truyền thống sang phương thức sản xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Tăng cường bằng biện pháp sinh học như sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học góp phần cải thiện môi trường sống, nguồn tài nguyên đất, nước, không khí cũng không bị ô nhiễm.

Giải pháp về thị trường

Đẩy mạnh tiêu thụ nông sản địa phương;

Nâng cao chất lượng sản phẩm để giới thiệu quảng bá trên các thị trường không chỉ trong nước mà còn trên thế giới;

Các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư xây dựng cải tiến đa dạng hóa sản phẩm, quảng bá và tuyên truyền các giống gạo địa phương chất lượng cao tới các địa phương khác.

Sơn La là vùng có thương hiệu lúa gạo, cần xây dựng chỉ dẫn địa lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn địa phương để quản lý.

Giải pháp về khoa học công nghệ

Đầu tư nâng cấp hệ thống trang thiết bị kiểm tra chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm,

đào tạo kỹ thuật viên để kiểm tra hàm lượng các chất tồn dư kháng sinh;

Đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và đào tạo, tập huấn kỹ thuật trồng trọt và bảo quản cho nông dân tại các địa phương;

Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao cho gieo trồng và thu hoạch sản phẩm.

Ngoài ra, có thể kể tới một số định hướng như:

Tiếp tục quá trình xây dựng sản phẩm nhãn hiệu chứng nhận cho gạo Phù Yên.

Để ngành hàng lúa gạo không phải “giải cứu” thì mô hình hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị phải được thực hiện - Tức là doanh nghiệp đầu tư toàn bộ giống, phân, thuốc bảo vệ thực vật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm lúa hàng hóa của nông dân sau khi thu hoạch.

Quy hoạch vùng sản xuất lúa gạo trong đó có các vùng lúa gạo đặc sản, không để đất trồng lúa chuyển sang mục đích sử dụng khác.

Liên kết 4 nhà “Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp” – đây được xem là xu thế phát triển tất yếu của nền nông nghiệp hiện đại và bền vững.

Hạn chế thấp nhất việc sử dụng đất tốt, phì nhiêu, có điều kiện thủy lợi tốt cho phát triển nông nghiệp sang các yêu cầu xây dựng khu công nghiệp, khu giải trí, khu dân cư, kể cả việc hạn chế đô thị hoá những vùng có lợi thế cho sản xuất nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp (đặc biệt như lúa gạo) đã có thương hiệu.

Ưu đãi tín dụng trung và dài hạn cho yêu cầu vốn đầu tư dài ngày, ổn định cho nông dân và nông thôn.

4. Kết luận

Giống lúa tại Sơn La đa dạng gồm các giống lúa lai đại trà và các giống bản địa. Năng suất lúa gạo của tỉnh Sơn La xếp vào mức trung bình thấp chỉ đạt khoảng 35 tạ/ha, trong đó nếu xét riêng theo các địa phương thì năng suất lúa gạo của 1 số huyện đặc biệt thấp như Bắc Yên, Mai Sơn...

Về diện tích gieo trồng lúa, các huyện Sông Mã, Thuận Châu, Phù Yên và Mai Sơn đứng đầu

với trên 5000 ha, các huyện còn lại, ngoại trừ thành phố Sơn La (dưới 1000 ha), có diện tích khá đồng đều, dao động khoảng trên 2000 ha.

Ưu thế về diện tích trồng lúa thuộc các vùng lưu vực sông Mã (huyện Sông Mã, Sốp Cộp), cao nguyên Sơn La (huyện Thuận Châu, Mai Sơn) và lưu vực sông Đà về phía Đông Bắc (huyện Phù Yên, Bắc Yên). Đây là những vùng thuận, có địa hình tương đối bằng phẳng, nguồn nước tưới tiêu dồi dào, điều kiện thổ nhưỡng tốt, giàu dinh dưỡng.

Bên cạnh các giống lúa lai đại trà với năng suất cao được gieo trồng với diện tích lớn, thì nhiều giống bản địa cũng được các địa phương chú ý và phát triển như Mường Và, Tan Đò, Tan Nhe, Tan Lanh, Tan Hin, Ha Na, Bắc Hải.

Những năm qua canh tác sản xuất lúa ở tỉnh Sơn La đang gặp nhiều những bất cập khó khăn như: thách thức về ô nhiễm môi trường; đất đai bạc màu; suy giảm đa dạng sinh học; sinh vật gây hại phát sinh trên đồng ruộng ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng cao...

Đề xuất 4 nhóm giải pháp nhằm nâng cao năng suất và chất lượng lúa gạo tại Sơn La: Giải pháp về cơ cấu giống, giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật...

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ từ phòng KHCN&HTQT trường Đại học Tây Bắc; đề tài khoa học cấp Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo), mã số CT.2019.06.01 thuộc Chương trình CT.2019.06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục thống kê tỉnh Sơn La, (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La 2019*. Nhà xuất bản thống kê.
- [2]. Cục thống kê tỉnh Điện Biên, (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên 2019*. Nhà xuất bản thống kê.
- [3]. Cục thống kê tỉnh Hòa Bình, (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình 2019*. Nhà xuất bản thống kê.
- [4]. Cục thống kê tỉnh Lai Châu, (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu 2019*. Nhà xuất bản thống kê.
- [5]. Cục thống kê tỉnh Lào Cai, (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai 2019*. Nhà xuất bản thống kê.
- [6]. Cục thống kê tỉnh Yên Bái, (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái 2019*. Nhà xuất bản thống kê.
- [7]. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sơn La, (2019), *Báo cáo tình hình thực hiện đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo trên địa bàn tỉnh Sơn La*. Sơn La, ngày 11 tháng 6 năm 2019.
- [8]. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sơn La, (2019), *Báo cáo tình hình thực hiện đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo trên địa bàn tỉnh Sơn La*. Sơn La, ngày 11 tháng 6 năm 2019.
- [9]. Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, (2019), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Mộc Châu – Tỉnh Sơn La*.
- [10]. Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, (2019), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Yên Châu – Tỉnh Sơn La*.
- [11]. Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, (2019), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Mai Sơn – Tỉnh Sơn La*.
- [12]. Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, (2019), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Sông Mã – Tỉnh Sơn La*.
- [13]. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, (2019), *Báo cáo kết quả phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn năm 2019, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2020*.
- [14]. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (tháng 10/2019). *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển nông nghiệp nông thôn 5 năm 2015 - 2020 kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn 5 năm 2021-2025*.

REAL SITUATION OF RICE PRODUCTION AND SOLUTIONS TO IMPROVE RICE PRODUCTIVITY IN SON LA PROVINCE

Hoang Thanh Thuong, Pham Van Nha
Tay Bac University

***Abstract:** The study aims to evaluate the situation and development plan of the rice-growing industry of Son La province in the period of 2015-2020, basing on the summary reports as well as the allocation plan for each period. The strength, weakness, opportunities and challenges for rice development in the current period and in the future are also discussed to propose orientations and solutions for improving productivity, quality and expanding the market for products.*

***Keywords:** productivity, rice, orientation, solution, Son La.*

Ngày nhận bài: 18/12/2020. Ngày nhận đăng: 25/01/2021.

Liên lạc: Hoàng Thanh Thương, e - mail: thanhthuong168x@gmail.com